

Số: 616 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu đô thị số 7 trên đường 295B, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 327/TTr-TNMT ngày 09/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “*Khu đô thị số 7 trên đường 295B, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên*” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Greenhomes (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Tổ dân phố Sen Hồ, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm

¹ Thành lập theo Quyết định số 240/QĐ-TNMT ngày 24/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Việt Yên; UBND Thị trấn Nénh; Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Greenhomes và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Greenhomes (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “KHU ĐÔ THỊ SỐ 7 TRÊN ĐƯỜNG 295B, THỊ TRẤN NẾNH,
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG”

*(Kèm theo Quyết định số 616 /QĐ-UBND ngày 13 /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị số 7 trên đường 295B, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.
- Địa điểm thực hiện: Tổ dân phố Sen Hồ, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Greenhomes.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Tổ dân phố Sen Hồ, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án theo quy hoạch chi tiết 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 21/01/2015, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 trên diện tích khoảng 13,56 ha, bao gồm: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, ga rác, công trình nhà ở thấp tầng, cao tầng.

- Công trình nhà ở thấp tầng: Xây thô hoàn thiện mặt tiền 19 căn nhà ở nằm trên các tuyến phố có mặt cắt đường từ 26 m trở lên tại các phân lô LK.04. Với quy mô cao 04 tầng, tổng diện tích xây dựng 1.512,35 m².

- Công trình nhà ở cao tầng: Xây dựng 02 tòa nhà ở xã hội, 01 tòa nhà hỗn hợp thương mại, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà tại lô CT: 01 có diện tích là 11.975,1m²; hoạt động kinh doanh các loại hình ở, thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê..., chiều cao tầng 15 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng 5.842 m²; mật độ xây dựng 48%.

*** Cơ cấu sản phẩm của dự án:**

- Sản phẩm đất nền dự án bao gồm 281 lô đất ở liền kề từ LK01 đến LK 06, trong đó có 19 lô xây thô hoàn thiện mặt tiền tại vị trí nằm trên tuyến phố có mặt cắt từ 26 m trở lên tại các phân lô LK04 và căn hộ chung cư để bán và cho thuê; Cụ thể:

- Nhà ở xã hội có diện tích sàn khoảng 54.310,19 m² mục đích để bán và cho thuê, trong đó tối đa 80% diện tích sàn để bán, tối thiểu 20% diện tích sàn để cho thuê.

- Nhà ở thương mại bán và cho thuê với giá kinh doanh thương mại, có diện tích sàn khoảng 21.641,86 m².

- Nhà vận hành xử lý nước thải diện tích sàn xây dựng khoảng 58 m².

* Quy mô dân cư của dự án: Dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng sẽ giải quyết nhu cầu ở cho khoảng 2.700 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, ga rác, công trình nhà ở thấp tầng, cao tầng,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Khu đô thị số 7 trên đường 295B, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên” có tổng diện tích thu hồi đất là 13,56 ha, trong đó diện tích đất lúa là 9,5 ha.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án “Khu đô thị số 7 trên đường 295B, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên” là 13,56 ha, trong đó diện tích đất lúa là 9,5 ha, diện tích đất khác là 4,06 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất:

Dự án chiếm 135.600m², trong đó: Đất nông nghiệp (đất lúa) 95.000 m²; đất nghĩa trang 332,2 m²; đất mặt nước kênh mương, mặt nước, vùng ngập trũng 36.165,4 m²; đất giao thông và đất khác 4.102,4 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, di chuyển đường dây điện, dịch chuyển mộ hiện trạng.

- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi phát sinh từ hoạt động động đào đắp, san gạt mặt bằng; từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi rải nhựa.

++ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san nền; từ hoạt động vận chuyển đất đá, chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường,...

++ Bụi, khí thải từ quá trình hàn.

++ Khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công (từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị, dưỡng hồ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu, từ hoạt động rửa xe) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ công trình hiện trạng, hạ ngầm đường điện hiện trạng và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động của các căn hộ, khu công cộng trong dự án.

+ Phát sinh nước thải, rác thải từ các căn hộ, khu công cộng trong dự án.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án; khí thải từ hệ thống điều hòa không khí; khí thải từ hoạt động đun nấu; bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; mùi hôi phát sinh từ các điểm tập kết chất thải rắn, trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của các căn hộ.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Phát sinh chất rắn từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật; bùn thải từ trạm xử lý nước thải, bùn thải từ nạo vét bề mặt từ các hộ dân trong dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, chai, lọ bình chứa thành phần nguy hại (như: hộp đựng dầu mỡ bôi trơn tổng hợp, chai đựng hóa chất tẩy rửa, bình xịt muối,...)

+ Sự cố, nguy cơ chập cháy hệ thống điện, tai nạn giao thông, hư hỏng các công trình xử lý chất thải; sự cố kỹ thuật, sự cố dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án phát sinh vào những ngày mưa to, chảy tràn cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Khí thải, nước thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng phát sinh 16 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công, xây dựng phát sinh khoảng 15 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn trôi đất đá, cát, dầu mỡ và các chất lơ lửng,...tạo thành dòng nước ô nhiễm gây tắc hệ thống thoát nước của khu vực và ảnh hưởng tới chất lượng nước của kênh tiêu thoát nước nơi tiếp nhận nước mưa, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS,...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình xúc bốc dỡ nguyên vật liệu (cát, sỏi,...); từ hoạt động thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm trước khi dải nhựa, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp và nguyên vật liệu thi công xây dựng; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi,...

+ Bụi, khí thải từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động trải bê tông nhựa nóng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ,...

+ Bụi, khí thải hơi sơn từ quá trình sơn tường nhà, với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công, xây dựng khoảng 100 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 3,0 tấn.

- Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng (nhà tạm quay tôn,..) khoảng 10 tấn.

- Đất nạo vét hữu cơ phát sinh khoảng 31.463,06 m³, tương đương 37.755,66 tấn (tỷ trọng 1,2 tấn/m³).

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công hạ tầng dự án phát sinh khoảng 5,9 tấn/ngày, chủ yếu là bao bì carton, dây dứa, ba via, đầu mẫu thừa, sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa,...

* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, máy móc thi công, xây dựng (như: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu tổng hợp thải, vỏ thùng sơn thải, can đựng dầu diesel và mỡ bôi trơn,...) khoảng 945 kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án; từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến sản xuất nông nghiệp, dịch vụ; tác động đến hệ thống tiêu thoát nước khu vực, tác động cảnh quan, hệ sinh thái, tác động đến giao thông khu vực, tín ngưỡng, khu tập kết rác thải địa phương,...

- Tác động do sự cố nổ mìn tồn lưu từ chiến tranh; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố do thiên tai;...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các căn hộ, hộ dân sinh sống trong dự án khoảng 446 m³/ngày đêm, trong đó: nước thải từ nhà cao tầng 279,3 m³/ngày đêm; nước thải từ nhà thấp tầng 125,7 m³/ngày đêm; nước thải từ công cộng 41 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

* Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

* Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu của các hộ dân, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ, với thông số đặc trưng là CHF₃, CH₂F₂, C₄F₁₀,...

+ Khí thải từ hệ thống máy phát điện dự phòng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, SO₃, CO, VOC,...

+ Khí thải, mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải, từ trạm xử lý nước thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S, mercaptane, CO₂, CH₄.....

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường, bao gồm:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 2.700 kg/ngày.

+ Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại của khối nhà cao tầng khoảng 76 m³/năm.

+ Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại của khối nhà thấp tầng khoảng 32 m³/năm.

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 58,41 kg/ngày.

+ Chất thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật khoảng 10 m³/năm.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án (như: dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, chai, lọ, bình chứa thành phần nguy hại (như: chai đựng hóa chất tẩy rửa, bình xịt muối,..),.. phát sinh từ khu nhà ở cao tầng khoảng 3.636 kg/năm; từ khu nhà ở thấp tầng khoảng 562 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động máy phát điện dự phòng, ...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải; sự cố kỹ thuật, sự cố dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm; sự cố vỡ đường ống cấp thoát nước của dự án,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải (thể tích 2m³/bể) để thu gom, xử lý nước thải của công nhân trên công trường. Dự án sử dụng nhà vệ sinh khép kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ đem đi xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy), do đó không có nước thải ra ngoài môi trường. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng cặn trong bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định, đồng thời cho công nhân dỡ bỏ, bàn giao, trả lại nhà vệ sinh di động cho nhà cung cấp.

* Nước thải thi công:

- Sử dụng tỷ lệ phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Bố trí 2-3 thùng phuy, thể tích 200 lít/thùng để chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó lượng nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng, không xả thải ra ngoài môi trường.

* Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

+ Thiết kế các hố lắng (kích thước 1,2x1,5m) để tránh ùn tắc đất, đá trên tuyến thoát nước.

- Định kỳ (01 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, khơi thông đường thoát nước không để phế thải xây dựng xâm nhập vào, gây tắc nghẽn.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển đất, đá khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuấy tán vào môi trường không khí.

- Phun nước dập bụi trong khu vực thi công tần suất 2-4 lần/ngày, tăng tần suất tưới nước lên 3-4 lần/ngày khi thời tiết khô hanh, nắng nóng. Chủ dự án trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Công tác tưới nước được thực hiện trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí.

- Khu vực san nền được che chắn nhằm giảm phát tán bụi, khí thải trong quá trình thi công che chắn xung quanh khu vực san nền, khu vực thi công dự án bằng hàng rào tôn cao 2m.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động) trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho công nhân, người lao động.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất san lấp trước khi ra khỏi công trình để tránh kéo theo bùn đất ra đường gây bụi, mất an toàn giao thông, mất cảnh quan môi trường của khu vực do khu vực có mật độ người, phương tiện tham gia giao thông cao.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Quá trình hàn thực hiện trong khu vực riêng biệt, được bố trí tại khu vực khuất gió, cách xa khu vực dân cư, hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp trong quá trình hàn được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,... để đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe cho công nhân.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi trải bê tông asphal - bê tông nhựa nóng và khí thải từ hoạt động trải bê tông nhựa nóng được xử lý như sau:

+ Trước khi thực hiện công tác thổi bụi, tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi trải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước quanh vùng để hạn chế bụi khuấy tán rộng.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi (như: kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ...).

- Đối với việc sơn tường nhà thực hiện quy trình sơn đúng kỹ thuật đảm bảo tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế ảnh hưởng đến xung quanh cho nước sơn bị rơi, bắn ra ngoài. Chú ý biện pháp sơn đối với các khối nhà khi thi công trên cao, sơn rơi vãi ra xung quanh, có thể xảy ra hiện tượng đổ vào các đối tượng bên dưới như sau: vây lưới bao quanh khối nhà, bắc giàn giáo, bố trí các thiết bị hứng nước sơn,...

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại tạm để công nhân thải bỏ chất thải; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

* Chất thải phát quang thảm thực vật:

- Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

- Nghiêm cấm mọi hành vi đốt các phế thải sau khi phát quang, thu dọn tại khu vực dự án.

* Đất, đá rơi vãi:

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công san lấp yêu cầu các chủ xe chở đất, đá không vượt quá trọng tải xe.

- Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất, đá thải rơi vãi.

- Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất, đá rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Nâng cao ý thức của công nhân trong việc vận chuyển, đổ đất, đá đúng nơi quy định.

- Tận dụng đất đá rơi vãi làm nguyên liệu san lấp mặt bằng ngay tại dự án.

* Đất nạo vét hữu cơ (khoảng 31.463m³): Được lưu giữ tại khu vực phía Đông Nam trong phạm vi dự án để tận dụng đổ vào hố trồng cây giai đoạn trồng cây xanh, không vận chuyển đi đổ thải. Trong quá trình lưu trữ, sẽ dùng bạt che phủ khi trời mưa để giảm thiểu đất bị cuốn trôi.

Trường hợp sử dụng đất nạo vét hữu cơ này làm vật liệu san nền của dự án hoặc vận chuyển đi làm vật liệu san nền, nguyên liệu sản xuất gạch của dự án, công trình xây dựng khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành thi công trên thực địa.

* Chất thải xây dựng:

- Đối với chất thải (như: sắt, thép, bao bì, gỗ...) được thu gom tái sử dụng cho mục đích khác hoặc bán cho các đơn vị thu mua.

- Đối với các chất thải rắn vô cơ (là đá, cát, sỏi, xi măng chết,...) được thu gom và tận dụng làm nguyên liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án.

- Đối với các loại chất thải còn lại, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phi có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa CTNH sẽ dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại, được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 6m² trong khu vực công trường (kho chứa CTNH: nền xi măng, mái lợp tôn phibroximang, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

Chủ dự án thực hiện việc quản lý, xử lý thải CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc, thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Máy móc, thiết bị phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Ngoài ra, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình xây dựng đến hoạt động của khu vực xung quanh, không được vận hành vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 06 giờ đến 12 giờ 00 phút và từ 13 giờ đến 18 giờ.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình. Thường xuyên nhắc nhở, yêu cầu công nhân tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng các thiết bị, phương tiện đúng quy định.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, tại các nút giao thông, kho chứa các chất dễ cháy nổ...

- Đảm bảo các xe tải vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thi công luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bột, bình CO₂, cát, hồ nước,...).

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế sự tắc nghẽn. Bố trí máy bơm dự phòng để chống ngập tạm thời trong quá trình san lấp mặt bằng trong trường hợp chưa thi công xong các tuyến công thoát nước.

- Trước khi tiến hành san lấp tạo mặt bằng, Chủ dự án tiến hành công tác khảo sát, rà phá bom mìn theo quy định của Nhà nước.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Đối với khu nhà ở cao tầng: Hệ thống thoát nước thu gom nước xí, tiểu ở tất cả các tầng trong toà nhà dẫn về các ống đứng D200 đặt trong các hộp kỹ thuật, các ống đứng thoát nước xí tiểu được kết nối với nhau ở tầng kỹ thuật thu về bể tự hoại 3 ngăn được thoát vào hệ thống ống D300 rồi nhập vào tuyến ống chính D400 chạy dọc vỉa hè của khu đô thị, theo hướng chảy từ Tây Sang Đông. Sau đó, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 450 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực (kênh tiêu TQ3.1).

+ Đối với khu nhà ở thấp tầng (liền kề): Hệ thống thoát nước thu gom nước xí, tiểu ở khu nhà thấp tầng (liền kề) sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được thoát vào hệ thống ống D300 sau nhà rồi nhập vào tuyến ống chính D400 chạy dọc vỉa hè của khu đô thị, theo hướng chảy từ Tây Sang Đông. Sau đó, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 450 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực (kênh tiêu TQ3.1).

+ Đối với khu công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải của dự án, sau đó đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 450 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực (kênh tiêu TQ3.1).

Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước thải của dự án:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → hệ thống thu gom nước thải của khu đô thị → Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 450 m³/ngày đêm) → Nguồn tiếp nhận nước thải (là kênh tiêu TQ3.1 trạm bơm Quang Biểu thuộc xã Quang Châu, huyện Việt Yên).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đối với khu nhà ở cao tầng: Thoát nước mưa mái qua cầu thu mưa được đầu nối vào hệ thống ống đứng PVC D110. Nước mưa từ các logia được thu qua

các phễu thu D75 chảy vào ống thoát nước mưa D60 rồi nhập vào ống đứng D110 tự chảy xuống tầng 1 rồi đầu vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà của dự án.

+ Đối với khu nhà ở thấp tầng (liền kề): Nước mưa từ trên mái qua các phễu thu nước mưa có rọ chắn rác sau đó theo ống đứng D90 tự chảy xuống tầng 1 rồi đầu vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà của dự án.

- Hệ thống thoát nước mưa của khu đô thị: hệ thống thu gom nước mưa mái của các công trình, nước đường giao thông được thu bằng các hố ga có lưới chắn rác rồi tự chảy theo hệ thống xương cá công D600, D800 chạy dọc đường giao thông, vỉa hè thu vào tuyến chính có kích thước tăng dần về phía Đông của dự án, sử dụng công hộp BxH=(0,8x0,8)m, BxH=(1,2x1,0)m, BxH=(1,5x1,0)m, BxH=(2,5x1,0)m chạy dọc theo vỉa hè, tự chảy theo hướng từ Tây sang Đông rồi nhập vào công hộp BxH=2x(2,0x2,0)m chạy dọc đường gom cao tốc Hà Nội - Bắc Giang và đổ vào hệ thống thoát nước BxH=2x(2,0x2,0)m ở phía Đông Nam dự án rồi thoát vào kênh tiêu TQ3.1 trạm bơm Quang Biểu, sau đó bơm ra sông Cầu.

Đọc theo hệ thống công thoát nước mưa bố trí các hố ga có lưới chắn rác. Rác thải và các chất lơ lửng được tách và giữ lại trong hố ga. Định kỳ nạo vét rác và cặn lắng tại các hố ga, sau đó gom về xử lý cùng rác thải sinh hoạt và đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án. Tỷ lệ đất cây xanh khoảng 12,04%.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe phải hợp lý; phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý; các xe máy khi vào bãi để xe phải tắt máy.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ khu vực ga rác:

+ Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường xá, công rãnh, các khu vực công cộng để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

+ Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại dự án được đơn vị chức năng vận chuyển ngay đi trong ngày không để tồn đọng, ứ đọng rác.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải:

Tiến hành nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng (định kỳ 06 tháng/lần) nhằm giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải: Phải đảm bảo các bể hoạt động liên tục ổn định, tránh để vi sinh vật bị chết gây mùi, bên cạnh đó bố trí khoảng cách trạm xử lý nước thải đến khu dân cư liên kề khoảng 120 m, cách các tòa nhà trong phạm vi dự án 330 m.

Chủ dự án thực hiện đầu tư hệ thống thu gom, xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải bằng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch kiềm và hấp phụ bằng than hoạt tính. Định kỳ 06 tháng/lần thay mới than hoạt tính để tăng hiệu suất xử lý mùi. Bùn dư được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống được đơn vị quản lý dự án thuê đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển mang đi xử lý khi bể chứa đầy. Trồng cây xanh trong khuôn viên rộng 10 m là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan khu vực dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Đối với khu nhà cao tầng:

- Mỗi tầng của mỗi tòa nhà có bố trí kho chứa rác thải đặt gần phòng kỹ thuật điện để người dân bỏ thải (*chỉ bố trí kho chứa rác thải từ tầng 04-15, tầng 1,2,3 không bố trí kho chứa*), sau đó hàng ngày cán bộ vệ sinh môi trường tiến hành thu gom rác thải tại các kho chứa của mỗi tầng vận chuyển xuống ga rác thải tập trung của dự án. Số lượng kho chứa rác như sau:

+ Nhà CT1: 12 Kho (bố trí từ tầng 4-15). Diện tích 7,2m²/kho (kích thước 3m x 2,4m).

+ Nhà CT2: 12 Kho (bố trí từ tầng 4-15). Diện tích 7,2m²/kho (kích thước 3m x 2,4m).

+ Nhà CT3: 13 Kho (bố trí từ tầng 3-15). Diện tích 5,4m²/kho (kích thước 3,6m x 1,5m).

Nhà chứa được bố trí ở tầng 04-15 của mỗi tòa nhà của dự án (01 kho/tầng). Nhà chứa có kết cấu tường xây bằng gạch, chất vữa, có cửa khép kín.

- Đơn vị quản lý tòa nhà hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương thu gom vận chuyển, xử lý hàng ngày đảm bảo không để rác thải ứ đọng hoặc làm quá tải ga rác (tần suất vận chuyển 01 lần/ngày).

* Đối với khu nhà ở thấp tầng (liền kề):

- Rác thải phát sinh được các hộ gia đình hợp đồng với tổ thu gom vận chuyển rác thải của địa phương đi xử lý theo quy định.

- Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày của khu nhà ở thấp tầng được tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, tập kết tại ga rác thải tập trung của dự án có diện tích 360m² (kích thước 20m x 18m).

Ga rác thải tập trung đặt tại khu vực hạ tầng kỹ thuật của dự án, xây tường gạch (tường lửng), mái lợp tôn, có cửa khóa. Khoảng cách từ ga rác tới hộ dân gần nhất là 150m, đảm bảo tiêu chuẩn khoảng cách an toàn vệ sinh theo QCVN 01:2021/BXD (*Nhà, công trình chứa dây chuyền trung chuyển,... của trạm trung chuyển CTR cố định phải đảm bảo khoảng cách ATMT ≥ 20 m*).

- Rác thải khu vực công cộng trong dự án: Hàng ngày, công nhân vệ sinh thực hiện thu gom rác ở các thùng chứa và tập kết về ga rác thải tập trung trước khi vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Tiến hành nạo vét bùn thải từ hệ thống hố ga, cống thoát nước, bể tự hoại, bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung; thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định (thời gian nạo vét định kỳ 06 tháng/lần, thời gian vận chuyển bùn thải được thực hiện cùng với quá trình nạo vét).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

* Đối với khu nhà ở cao tầng:

- Bố trí một kho chứa chất thải nguy hại cửa có dán nhãn “Kho chứa chất thải nguy hại”.

- Chất thải nguy hại được các hộ dân phân loại và mang trực tiếp xuống kho chứa (kho chứa chất thải nguy hại nằm bên trong ga rác thải tập trung, kho có diện tích 20m² (kích thước 6m x 3,3m)).

- Kho chứa có kết cấu tường xây bằng gạch, chất vữa, có cửa khép kín. Bên trong bố trí các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, dán nhãn có ghi tên và mã chất thải nguy hại lên các thùng.

- Đơn vị quản lý tòa nhà hợp đồng với đơn vị quản lý dự án để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Đơn vị quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

* Đối với khu nhà ở thấp tầng (liền kề):

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ dân không nhiều và không liên tục. Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình, hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Các tòa nhà của dự án có hệ thống tường và cửa được thiết kế cách âm để tránh ảnh hưởng về tiếng ồn và rung động từ bên ngoài, đặc biệt là các nhà dân tiếp giáp.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và bôi trơn máy đối với các thiết bị (như thiết bị của máy điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh, thiết bị âm thanh...) để đảm bảo không gây tiếng ồn và rung động ảnh hưởng đến nhân viên làm việc, khách tham quan và khu vực lân cận.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ. Bố trí 05 họng cứu hỏa, cấp nước trong trường hợp xảy ra cháy nổ.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Thi công đường ống cấp nước, thoát nước theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo áp lực nước. Yêu cầu các đơn vị, hộ dân trong khu đô thị không được tự ý thi công, đào đất phía trên đường ống cấp nước, thoát nước. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống cấp nước nhằm kịp thời phát hiện các khu vực rò rỉ, xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc làm mới.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Môi trường không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

+ 01 vị trí tại điểm đầu hướng gió chủ đạo ngoài khu vực dự án.

+ 01 vị trí tại điểm cuối hướng gió chủ đạo ngoài khu vực dự án.

+ 01 vị trí tại khu vực gần đường tỉnh 295B.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi lơ lửng tổng số (TSP), SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

** Môi trường không khí làm việc:*

- Vị trí giám sát: 04 vị trí trong khu vực xây dựng

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép về vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

** Nước thải:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm thoát nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải tập trung của dự án trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý trong quá trình hoạt động đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 327/TTr-TNMT ngày 09/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án./.